

Số: 1258 /QĐ-UBND

Nam Định, ngày 27 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung
trong lĩnh vực hộ tịch thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Tư pháp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10/4/2023 của Bộ Tư pháp về
việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 767/TTr-STP ngày
16/6/2023 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong
lĩnh vực hộ tịch thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Tư pháp.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 37 thủ tục hành
chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của
Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Quyết định số 2491/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của Chủ tịch
UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bổ sung
trong lĩnh vực hộ tịch thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Tư pháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Nam Định; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Công TTĐT tỉnh, Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP11.

CHỦ TỊCH



Phạm Đình Nghị

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC HỘ TỊCH
THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục Xác nhận thông tin hộ tịch	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần hồ sơ.	03 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	8.000 đồng/Văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký.	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính.
2	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	- Căn cứ pháp lý	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận	Trung tâm phục vụ hành chính	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.

		- Phí, lệ phí	hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	công, XTĐT và HTDN tỉnh	(Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật).	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính.
--	--	---------------	---	-------------------------	---	---

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục Xác nhận thông tin hộ tịch	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần hồ sơ.	03 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	8.000 đồng/Văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.
2	Thủ tục Đăng ký khai sinh có	- Căn cứ pháp	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ;	Bộ phận Một cửa UBND	- Không đúng hạn:	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.

	yếu tố nước ngoài	lý. - Thành phần hồ sơ.	trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	cấp huyện	60.000 đồng/lần; (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi). - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 Của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính.
3	Thủ tục Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần hồ sơ.	15 ngày	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	1.500.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, người cao tuổi).	- Luật Hôn nhân và gia đình ngày 19/06/2014. - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

						- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
4	Thủ tục Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần hồ sơ.	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	60.000 đồng/lần (bao gồm đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký khai tử không đúng hạn) (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi). - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
5	Thủ tục Đăng ký nhận cha,	- Căn cứ pháp lý.	15 ngày	Bộ phận Một cửa	1.500.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho	- Luật Hôn nhân và gia đình ngày 19/06/2014.

	mẹ, con có yếu tố nước ngoài	- Thành phần hồ sơ.		UBND cấp huyện	người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi). - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
6	Thủ tục Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần hồ sơ.	15 ngày	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	- Đăng ký khai sinh không đúng hạn: 60.000 đồng/lần; - Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 1.500.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách	- Luật Hôn nhân và gia đình ngày 19/06/2014. - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.

					mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi). - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
7	Thủ tục Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần hồ sơ.	05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cũ; 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	60.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi). - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Bộ luật Dân sự ngày 24/11/2015. - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính.

						- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
8	Thủ tục Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	- Căn cứ pháp lý.	02 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	60.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi). - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Bộ luật Dân sự ngày 24/11/2015. - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
9	Thủ tục Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch,	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần	- Ngay trong ngày làm việc đối với bổ sung	Bộ phận Một cửa UBND cấp	30.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.

	xác định lại dân tộc	hồ sơ.	hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - 03 ngày làm việc đối với thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc.	huyện	có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi). - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
10	Thủ tục Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần hồ sơ.	12 ngày	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	75.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, người cao tuổi). - Phí cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp.

					định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
11	Thủ tục Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần hồ sơ.	12 ngày	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	75.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, người cao tuổi). - Phí cấp bản sao Trích lục ghi chú ly hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

12	Thủ tục Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh, giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần hồ sơ.	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	75.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi). - Phí cấp bản sao Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
13	Thủ tục Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần hồ sơ.	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	50.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi).	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.

					- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
14	Thủ tục Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần hồ sơ.	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	50.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi). - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày

						26/11/2021. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
15	Thủ tục Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	- Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí	05 ngày làm việc. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	1.300.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, người cao tuổi).	- Luật Hôn nhân và gia đình ngày 19/06/2014. - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
16	Thủ tục Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước	- Căn cứ pháp lý.	05 ngày làm việc; trường hợp phải tiến hành	Bộ phận Một cửa UBND cấp	50.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.

	ngoài		xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc.	huyện	có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi). - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
17	Thủ tục Cấp bản sao trích lục hộ tịch	- Phí, lệ phí	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật).	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày

						29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021.
--	--	--	--	--	--	--

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục Xác nhận thông tin hộ tịch	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần hồ sơ.	03 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	8.000 đồng/ Văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính.
2	Thủ tục Đăng ký khai sinh	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần hồ sơ.	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	- Không đúng hạn: 10.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết	- Luật Hôn nhân và gia đình ngày 19/06/2014. - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày

			ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.		tật, trẻ em, người cao tuổi). - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
3	Thủ tục Đăng ký kết hôn	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần hồ sơ.	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	- Miễn lệ phí - Phí cấp bản sao Trích lục kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Luật Hôn nhân và gia đình ngày 19/06/2014. - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp.

			quyết không quá 05 ngày làm việc.			- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
4	Thủ tục Đăng ký nhận cha, mẹ, con	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần hồ sơ.	03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	15.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi). - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Luật Hôn nhân và gia đình ngày 19/06/2014. - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND

						ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
5	Thủ tục Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần hồ sơ.	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	- Đăng ký khai sinh không đúng hạn: 10.000 đồng/lần - Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 15.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi). - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Luật Hôn nhân và gia đình ngày 19/06/2014. - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
6	Thủ tục Đăng ký khai tử	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần hồ sơ.	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không	Bộ phận Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	- Không đúng hạn: 10.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ.

			giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.		mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi). - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
7	Thủ tục Đăng ký khai sinh lưu động	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần hồ sơ.	05 ngày làm việc	Nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động.	- Không đúng hạn: 10.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi). - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày

						29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
8	Thủ tục Đăng ký kết hôn lưu động	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần hồ sơ.	05 ngày làm việc	Tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	Không	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
9	Thủ tục Đăng ký khai tử lưu động	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần	05 ngày làm việc	Nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ	- Không đúng hạn: 10.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.

		hồ sơ.		chức đăng ký lưu động	người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi).	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
10	Thủ tục Đăng ký giám hộ	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần hồ sơ.	03 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	- Miễn lệ phí - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Bộ luật Dân sự ngày 24/11/2015. - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp.

						- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
11	Thủ tục Đăng ký chấm dứt giám hộ	- Căn cứ pháp lý.	02 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	- Miễn lệ phí - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Bộ luật Dân sự ngày 24/11/2015. - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân

						tỉnh.
12	Thủ tục Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần hồ sơ.	- 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc. - Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	15.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi). - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Bộ luật Dân sự ngày 24/11/2015. - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
13	Thủ tục Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần hồ sơ.	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì không quá 23 ngày	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	10.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày

					tật, trẻ em, người cao tuổi).	21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
14	Thủ tục Đăng ký lại khai sinh	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần hồ sơ.	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	5.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi). - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính.

						- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
15	Thủ tục Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần hồ sơ.	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	5.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi). - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
16	Thủ tục Đăng ký lại kết hôn	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần hồ sơ.	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	20.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày

			quyết không quá 25 ngày.		mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, người cao tuổi).	28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
17	Thủ tục Đăng ký lại khai tử	- Căn cứ pháp lý.	05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	5.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi). - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

					281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
18	Thủ tục Cấp bản sao trích lục hộ tịch	- Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật).	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính.